

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Vật tư Y tế năm 2025-2026 của Trung tâm Y tế Krông Bông.
- Tên gói thầu: Vật tư Y tế năm 2025-2026 của Trung tâm Y tế Krông Bông.
- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế Krông Bông
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế Krông Bông. Địa chỉ: Số 43 Nguyễn Huệ, xã Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 01 túi hồ sơ
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (thu từ dịch vụ khám chữa bệnh) năm 2025-2026.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Yêu cầu nhà thầu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. ***Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

- Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- (2) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
- (3) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- (4) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- (5) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
- (6) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;
- (7) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất
- (8) Các yếu tố tương đương khác (nếu có)

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo các mẫu sau:

+ **Bảng đáp ứng tính pháp lý hàng hóa (file word/excel đính kèm E-HSDT):**

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại tham khảo (lưu ý tên hàng hóa theo Số lưu hành TTBYT)	Ký mã hiệu / Nhân mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Chủ sở hữu (nếu có)	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Phân loại thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP	Số lưu hành của TTBYT hoặc GPNK (nếu có)	Giấy phép bán hàng (nếu có)	Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE,... (Ghi rõ ngày hết hạn)	Thông tin kê khai giá (nếu có) / niêm yết giá (nếu có)	Tài liệu sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Theo HSMT	Tên hàng hóa TTBYT là theo Số lưu hành TTBYT.	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Nêu rõ hàng hóa được phân loại nào kèm theo số văn bản pháp lý như sau: - Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B - Hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D - Hoặc Bảng phân loại TTBYT A, B, C, D	Theo hàng hóa thực tế (do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp)	Ghi rõ đầy đủ toàn bộ quá trình: Tên cụ thể Chủ sở hữu TTBYT -> Nhà phân phối (nếu có) -> Nhà thầu	Theo hàng hóa thực tế (Ghi rõ ngày hết hạn)	Đầy đủ 2 thông tin: Giá và Thời gian hết hiệu lực (nếu có)	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng, ... của nhà sản xuất. - Tài liệu chứng minh của bên thứ ba
<p>Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác. Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin không trung thực nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu</p>												

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel + bản ký đóng dấu, scan tại E-HSDT):

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Quy cách đóng gói (tham khảo) theo E-HSMT	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Theo HSMT	Tên hàng hoá theo HSMT	Quy cách đóng gói theo HSMT	- Tên hàng hoá theo Số lưu hành TTBYT - Model: ... - Nhà sản xuất: ... - Xuất xứ: ... - Chủ sở hữu (nếu có): ...	Quy cách đóng gói thực tế của hàng hóa dự thầu	
		Mô tả hàng hóa của E-HSMT		Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi tiết đáp ứng từng mục)		Dẫn chiếu từng chi tiết mô tả hàng hoá tới Trang... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật/Mô tả hình ảnh... thuộc E-HSDT (Highlight các nội dung liên quan tới Mô tả hàng hoá trên Tài liệu dẫn chiếu)
				Tiêu chí đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn		- Tài liệu chứng minh theo hướng dẫn bên trên về “Nội hàm tương đương” - Hoặc tài liệu chứng minh một số tính năng kỹ thuật của E-HSMT đưa ra là tiêu chí không cơ bản (việc không đáp ứng không làm ảnh hưởng tới tính năng sử dụng của hàng hoá dự thầu) để Tổ chuyên gia xem xét đánh giá “Chấp nhận được”.
				Tiêu chí gây hạn chế nhà thầu (không		Tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật chỉ có duy nhất 01 nhà sản xuất đáp ứng

				được xem xét và đánh giá)		
<p><i>Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác.</i></p> <p><i>Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin / dịch tài liệu kỹ thuật không đúng với Thông số kỹ thuật mà Nhà sản xuất công bố nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu</i></p>						

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
1	Áo cột sống	Có khóa Velcro và các nẹp hợp kim nhôm thiết kế định hình và phân bổ phù hợp theo tư thế điều trị. Dùng sơ cứu chấn thương cột sống, hỗ trợ sau phẫu thuật cột sống, bệnh lý cột sống như lao cột sống, xẹp các đốt sống. Phù hợp chiều cao cơ thể 155cm-165cm; gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL.
2	Băng bó bột 15cmx2,7m	Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 15cm, chiều dài = 270cm
3	Băng cố định khớp vai phải-trái	Có khóa Velcro được thiết kế theo tư thế điều trị, sử dụng trong trường hợp trật khớp vai, cố định sau mổ vùng khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay, viêm khớp vai cấp và mãn tính. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L, XL, XXL.
4	Băng có gạc vô trùng, không thấm nước 100 x 90mm	Lớp film mỏng bằng màng polyurethane bán thấm, mức thoát hơi nước $\geq 500 \text{ g}/(\text{m}^2.24\text{h})$, keo acrylic, trọng lượng kết dính $30 \pm 3 \text{ g}/\text{m}^2$, có miếng gạc thấm hút kích thước 45x70mm phủ lớp chống dính HDPE, tiệt trùng bằng ethylene oxide;
5	Băng cuộn 0,09 x 2,5m	0,09m x 2,5m Loại: không tiệt trùng;
6	Băng keo lụa 5cm*5m	Nền: Băng sợi cellulose acetate (Taffeta), số sợi 44x19.5 sợi/cm, trọng lượng $80 \pm 3 \text{ g}/\text{m}^2$. Dễ xé, không bị tua vải khi xé. Hỗn hợp keo nóng chảy phủ đều, độ dính cao, gồm: Zinc dibutyl dithiocarbamate, Zinc oxide. Độ nhớt 8.000-12.700 cP. Trọng lượng khối phủ: $55 \pm 10 \text{ g}/\text{m}^2$, lực dính 1,8-5,5 N/cm
7	Băng thun 2 móc 0.075mx6m	Quy cách: 0,075m x 6m, độ giãn tối đa 12m, đóng gói: 1 cuộn/gói, Loại: không tiệt trùng
8	Băng thun có keo cố định xương sườn 10cmx4,5m	Nền : 100% sợi cotton, số sợi ≥ 160 sợi/10cm, trọng lượng 133-146 g, độ dày 0.84-0.94mm, co giãn $\geq 90\%$ Hỗn hợp keo nóng chảy phủ đều, độ dính cao, gồm : Zinc dibutyl dithiocarbamate, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. Trọng lượng khối phủ: $110 \pm 10 \text{ g}/\text{m}^2$, , lực dính 2-9 N/cm

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
9	Bơm tiêm 10ml	- Xy lanh dung tích 10ml. Vạch chia dung tích rõ nét. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1"
10	Bơm tiêm 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml .Vạch chia dung tích rõ nét.
11	Bơm tiêm 20ml	- Xy lanh dung tích 20ml .Vạch chia dung tích rõ nét.
12	Bơm tiêm 3ml	- Xy lanh dung tích 3ml Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1".
13	Bơm tiêm 50ml	Độc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy.
14	Bơm tiêm 5ml	- Xy lanh dung tích 5ml, Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1".
15	Bông mỡ	Nguyên liệu: bông không hút nước được chế từ lông của hạt cây bông, không loại mỡ
16	Bông y tế	Bông y tế làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton
17	Dụng cụ chống cắn lưỡi	Số 0; 1; 2; 3; 4
18	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6 số 2/0, dài 75cm, kim tam giác phủ silicon 3/8C dài 24mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 2/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20 (hoặc tương đương), đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 31.39N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài .
19	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6 số 4/0, dài 75cm, kim tam giác phủ silicon 3/8C dài 19mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm, kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20 (hoặc tương đương), đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài.
20	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác phủ silicone 3/8C dài 24mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20 (hoặc tương đương), đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 15.50N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài.
21	Chỉ không tan tự nhiên số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	Kim thép 302 phủ silicon Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả
22	Chỉ không tan tự nhiên số 2/0, dài 75cm, kim tam giác 3/8c, dài 24mm	Kim thép 302 phủ silicon Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả
23	Chỉ không tan tự nhiên số 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm	Kim thép 302 phủ silicon Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả
24	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 2/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm,

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	polypropylene số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy, dài 31 mm, 1/2 vòng tròn.	kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20 (hoặc tương đương), đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt 29.14N, Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE.
25	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy, dài 26mm 1/2 vòng tròn	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.
26	Chỉ tan chậm tự nhiên số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	Kim thép 302 phủ silicon Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả
27	Chỉ tan chậm tự nhiên số 1, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 40mm	Kim thép 302 phủ silicon Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả
28	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm	Kim thép 302 phủ silicon Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả
29	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.
30	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.
31	Đai số 8 các cỡ	Có khóa Velcro. Dùng cố định khi chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn, vỡ xương bả vai, trật khớp ức đòn. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L, XL, XXL.
32	Đầu côn vàng 200ul	200ul

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
33	Đầu côn xanh 1000ul	1000ul
34	Dây garo đơn giản	Dây thắt mạch, dùng trong lấy máu hoặc truyền dịch.
35	Dây hút dịch phẫu thuật	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.
36	Dây ô xy 2 nhánh người lớn	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi
37	Dây oxy 2 nhánh trẻ em	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO
38	Dây truyền máu	Dây bằng chất liệu PVC Chiều dài dây 160cm.
39	Đè lưỡi gỗ chưa tiệt trùng	Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm.
40	Dung dịch sát khuẩn	Chlorhexidine digluconate: 2% Chất giữ ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl cocoate. Chất hoạt động bề mặt: C8-16 fatty alcohol glucoside. Quy cách đóng gói tối thiểu: Chai/500ml.
41	Gạc dẫn lưu (gạc mech)	Gạc được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước nhanh; gạc được gấp thành miếng, quy cách: 3,5cm x 75cm, dày 8 lớp; Quy cách đóng gói tối thiểu: 3 Miếng/Gói
42	Gạc phẫu thuật 30x40x8 lớp có cản quang	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước, gạc gấp thành miếng, quy cách: 30cm x 40cm, dày 8 lớp; Bên trong miếng gạc có dính sợi cản quang;
43	Gạc phẫu thuật vô trùng 7.5cmx7.5cmx8 lớp	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước nhanh, gạc có mật độ sợi thường: 8x10sợi/cm ² , gấp thành từng miếng có kích thước 7,5cm x 7,5cm, dày 8 lớp; Tiệt trùng (bằng khí EO); Quy cách đóng gói tối thiểu: 10 Miếng/Gói
44	Gạc phẫu thuật vô trùng 10x10cmx12 lớp	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước nhanh, gạc có mật độ sợi thường: 8x10sợi/cm ² , gấp thành từng miếng có kích thước 10cm x 10cm, dày 12 lớp; Loại: tiệt trùng (bằng khí EO)
45	Gạc vaselin	7cmx40cm. Gạc đã vô trùng Quy cách đóng gói tối thiểu: 10 miếng/Gói
46	Gạc y tế khổ 0.8mx18x26	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước, Khổ: 0,8m
47	Găng kiểm tra dùng trong y tế	Chiều dài (min): 240 mm. - Cường lực kéo đứt: trước già hóa $\geq 7N$; sau già hóa $\geq 6N$. - Độ đàn hồi: trước già hóa $\geq 650\%$, sau già hóa $\geq 500\%$. - Hàm lượng Protein: $\leq 200\mu\text{g}/\text{dm}^2$ - Lượng bột: $\leq 10\text{mg}/\text{dm}^2$
48	Găng phẫu thuật tiệt trùng	Cường lực kéo đứt: trước già hóa $\geq 14N$; sau già hóa $\geq 12.5N$. - Độ đàn hồi: trước già hóa $\geq 700\%$, sau già hóa $\geq 550\%$. - Hàm lượng Protein: $\leq 200\mu\text{g}/\text{dm}^2$ - Lượng bột: $\leq 15\text{mg}/\text{dm}^2$ - Mức độ nhiễm tĩnh điện: $<100\text{ V}$

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
49	Găng tay sản tiết trùng	Chiều dài (min): 490 mm. - Chiều dày 1 lớp: 0,15±0,03 mm. - Chiều rộng: số 7.0: 89±5mm; số 7.5: 95±5mm
50	Gel siêu âm	Sản xuất từ: Nước, Propylene glycol, Hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate ... Quy cách đóng gói tối thiểu: Can/5 lít
51	Giấy điện tim 6 cần 110 x 140 x 143 (không sọc)	Kích thước 110mm x 140mm x 143 tờ
52	Giấy điện tim 6 cần 110 x 140 x 142 (có sọc)	Kích thước 110mm x 140mm x 142 tờ
53	Giấy điện tim 63*30	63mmx30m.
54	Giấy in nhiệt	58mm*30m
55	Hộp giấy đựng bơm kim tiêm huỷ	Hộp an toàn được làm bằng giấy Carton cứng, dày 1,5mm, cán máng PE
56	Bộ dây truyền dịch	Bầu đếm giọt 2 ngăn cứng mềm. Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn và virút tại van thông khí. Chịu được áp lực đến 2 bar. Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. Chiều dài dây nối 180cm, người kính ngoài 4,1mm, đường kính trong 3,0mm.
57	Kim nhựa lấy thuốc	Kim các số G18, G20, G23, Vĩ đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim.
58	Kim lòn tĩnh mạch G18, G20, G22	Có đầu bảo vệ bằng kim loại, đầu kim vát 3 mặt, catheter nhựa có 4 đường cân quang ngầm và lưu được trong máu 72 giờ; Kim lòn có cánh, có cửa, tốc độ chảy 61ml/phút
59	Kim lòn tĩnh mạch 24G	Kim lòn tĩnh mạch có cánh có cửa bơm thuốc, chất liệu: FEP-Teflon; PUR, PTFE, ETFE, được lưu trong mạch máu 72 giờ. Có 4 vạch cân quang ở thân catheter. Có sử dụng khi chụp MRI. Tấm xốp vi lọc cuối chuôi kim ngăn máu trào ngược, công nghệ không keo. Kim thép không gỉ được mài và phủ silicon với góc vát ba cạnh siêu sắc giúp chọc tĩnh mạch trơn tru và không đau. - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Size: 24G (O.D: 0.7 x 19 mm, 22ml/min): màu vàng
60	Kẹp rốn tiết trùng	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao.
61	Khẩu trang y tế 3 lớp vô khuẩn	Khẩu trang được đóng gói 1 cái/gói, vô trùng. Dây đeo thun có chức năng đàn hồi tốt, không gây kích ứng da. Quy cách đóng gói tối thiểu: 1 cái/gói
62	Khoá ba ngã có dây dài 25cm Chống nứt gãy & chịu được áp lực cao. Không có	Dây nối dài 25 cm

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
	chất DEHP. Vật liệu polyamide	
63	Kim cánh bướm các loại các cỡ	Đầu kim 3 mặt vát được trán 1 lớp silicon, làm bằng hợp kim Crôm-Nikel Có đầu khóa Luer Dây nôi 30cm
64	Kim châm cứu	Các cỡ. Kim đốc đồng, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Thân kim nhỏ, đầu kim sắc nhọn.
65	Kim chích máu ngón tay	Đầu kim mỏng, vát mịn, sắc. 1cái/gói vô trùng. Quy cách đóng gói tối thiểu: 200 cái/Hộp (hoặc theo quy định của hãng sản xuất, nhưng phải đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT)
66	Kim nha khoa	Răng khóa được thiết kế chắc chắn khi vặn kim vào. Kim sắc bén, nhọn giảm cảm giác đau, khó chịu cho bệnh nhân
67	Lam kính 7102	Lam tròn; Độ dày: 1,0 - 1,2mm, kích thước: 25,4 x 76,2mm (1" x 3"). Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp/ 72 miếng
68	Lam kính góc mờ	Lam kính 7105 (nhám) Kích thước: 25.4 x 76.2mm Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp/ 72 miếng
69	Lamen	22 x 22mm; Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp/100 cái
70	Lọ đựng bệnh phẩm	Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong
71	Lưỡi dao mổ	Các cỡ
72	Mask dùng gây mê các cỡ	Các cỡ
73	Mask thở khí dung người lớn, trẻ em	Chai phun sương 8 ml, ống dẫn khí không bị xoắn dài 2 m, không chứa chất DEHP, chất liệu PVC
74	Mesh dùng trong thoát vị (Premillen 5x10cm)	Thành phần Polypropylene; Trọng lượng 82g/m ² ; độ dày 0.48mm; Kích thước lỗ 0.8mm; Kích cỡ lưới 5x10cm; tiệt khuẩn Ethylene oxide
75	Miếng dán điện cực tim	Tính dẫn truyền cao. Bề mặt kết dính rất chặt chẽ, độ bám dính thích hợp cho da
76	Mũ phẫu thuật y tế nam	Làm bằng Vải không dệt 100%
77	Mũ phẫu thuật y tế nữ	Làm bằng Vải không dệt 100%
78	Nẹp căng bàn tay (trái- phải)	Băng nhám dính khóa Velcro và bản nẹp hợp kim nhôm uốn định hình ở tư thế điều trị. Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L.
79	Nẹp căng chân (trái- phải)	Có khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L.
80	Nẹp căng tay các cỡ (trái, phải)	Băng nhám dính (khóa Velcro) và bản nẹp hợp kim nhôm uốn định hình ở tư thế điều trị. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L, XL.

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
81	Nẹp chấu đùi căng bàn chân	Có khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L.
82	Nẹp chống xoay dài (các cỡ)	Có khóa Velcro. Khuôn nhựa đúc theo tư thế điều trị. Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL.
83	Nẹp cổ cứng trung, lớn	Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L.
84	Nẹp đùi trung, lớn	Có khóa Velcro và hệ thống thanh nẹp hợp kim nhôm được phân bố theo tư thế điều trị. Dài khoảng 70cm, gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL.
85	Nẹp inseline các ngón tay	Dùng cố định khớp ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương, cố định và bảo vệ gãy xương đốt tay ngoại biên.
86	Bơm tiêm điện 50ml. Có đầu khóa Luer	Bơm tiêm nhựa không kim 50ml Có đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Vật liệu polypropylene - Không có kim tiêm kèm theo Sử dụng cho máy bơm tiêm điện các hãng
87	Ống đặt nội khí quản các số	các số - Có bóng
88	Ống hút đàm nhớt số 12-14-16	Số 12-14-16. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500 mm.
89	Ống nghiệm có chống đông EDTA 1%	Kích thước 12*75 mm. - Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5-10 phút.
90	Ống nghiệm có chống đông Heparine	Kích thước 12*75 mm. - Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5-10 phút.
91	Ống nghiệm có chống đông Natri Citrate 3,8%	Kích thước 12*75 mm. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút
92	Ống nghiệm 5ml nắp trắng, không nhãn	5ml, có nắp, không nhãn. Kích thước: 12 x 75. Nhựa PS. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong, tinh khiết 100%. Thành phần ống trơn láng chống sự bám dính mẫu bệnh phẩm
93	Ống nghiệm 5ml không nắp, không nhãn	Kích thước 12x75. (cho kích thước 5ml). Ống nghiệm PS trong được sản xuất bằng nhựa tinh khiết trung tính, đảm bảo các ống đồng nhất về kích thước và chất lượng. Không nắp
94	Ống sonde dạ dày các số	Các cỡ 5, 6,8,10,12,14,16,18.
95	Ống Thông tiêu 1 nhánh số 10,12,14,16	các cỡ
96	Ống thông tiêu 2 nhánh các số	Các số
97	Sonde hậu môn	Các số

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
98	Tăm bông vô trùng lấy mẫu	Đựng trong ống nghiệm
99	Tạp dề Nylon	Kích thước : 110cm x 120cm, bề dày 0,05mm. Được làm bằng chất liệu màng PE màu trắng sữa nguyên chất
100	Túi bọc lưới dao lazer 5*150 VT	5*150. vô trùng.
101	Túi chứa nước tiểu	- Kích cỡ 2000ml
102	Túi nilon đo lượng máu mất sau sinh	Dung tích: 2 Lit. Độ dày: 0.08mm. Dài: 1.000mm, Rộng: 350mm
103	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn 40mm, 1/2C	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày .
104	Viên nén khử khuẩn	Dạng viên sủi tan nhanh trong nước tạo dung dịch có PH Acid. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải
105	Eugenol	30ml Quy cách đóng gói tối thiểu: Lọ/30ml
106	Zinc Oxide	110g Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp/110g
107	Sò đánh bóng	<ul style="list-style-type: none"> • Không có Florua • Không có dầu có hương vị • Tăng cường sức mạnh liên kết • Làm sạch răng trước khi dán • Bột nhào với liều lượng theo đơn vị được niêm phong riêng được đóng gói trong hộp có nắp đậy kín khí đảm bảo bột nhào luôn tươi và mịn
108	Keo dán	≥5ml Quy cách đóng gói tối thiểu: Lọ/5ml
109	Acid etching	Quy cách đóng gói tối thiểu: Ống/5ml
110	Trám tạm	Quy cách đóng gói tối thiểu: Lọ/30g
111	Chôi đánh bóng răng	<ul style="list-style-type: none"> • Giúp đánh bóng sạch kẽ răng. • Kết hợp cùng với sò đánh bóng và oxi già để cho kết quả tốt nhất. • Sợi cước y tế dẻo và cứng cáp được gắn chắn chắn trên đầu chôi. • Chôi cước TPC lắp vừa vào đầu tay khoan chậm.
112	Mũi khoan kim cương	Mũi trụ trung, chóp trung, tròn trung và nhỏ
113	Trâm nội nha số 08	Số 08 dài 21,25 Quy cách đóng gói tối thiểu: Vi/6 Cây

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về thông số kỹ thuật (hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
114	Trâm nội nha số 10-80	Số 10-80 dài 21-25 Quy cách đóng gói tối thiểu: Vi/6 Cây
115	Ống hút nước bọt trong xanh	Ống nhựa trong xanh Quy cách đóng gói tối thiểu: Gói/100 cái
116	Cóng đông máu	Cuvette đông máu (Cóng đông máu + Chì (thanh từ))
117	Trâm Gai	Quy cách đóng gói tối thiểu: Vi/6 cái
118	Composite lỏng	Quy cách đóng gói tối thiểu: Ống/2g
119	Composite đặc	Quy cách đóng gói tối thiểu: Ống/ 3g
120	Giấy điện tim 3 cân 90*90-400p	90mmx90mmx400p
121	Cồn 96 độ	Thành phần: - Cồn (90%) Vol - Nước cất
122	Giấy điện tim 3 cân 80*20mm	80mm x 20m
123	Côn Gutta Percha có vạch	Làm sạch ống tủy, hút chất lỏng, thay băng trong điều trị nha khoa Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp/120 cái
124	Kim chọc dò G25,27	G25-G27
125	Giấy in nhiệt	Kích thước: rộng 50mm, dài $\geq 20m$
126	Cúp sinh hoá	Chất liệu: Nhựa PS Kích thước: 16*38mm Dung tích: 1.5-2 ml Màu sắc: Trong suốt Quy cách đóng gói tối thiểu: 500 chiếc/túi. 10 túi/thùng carton. Lưu trữ: 4-30°C
127	Nẹp cánh tay	Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm.
128	Áo băng sườn	Làm từ chất liệu Neoprene tự dính, băng nhám dính, có thể dính ở mọi vị trí. Hỗ trợ ổn định gãy xương sườn, gãy rạn xương ức, giập cơ liên sườn.
129	Dụng cụ cắt trĩ Longo	Đường kính ngoài 33mm, đường kính trong 25 mm, chứa 32 ghim Titanium cao 4,2 mm, rộng 4mm, đường kính ghim 0,3mm. Kích thước mô (chiều cao ghim đóng) từ 0,75-1,5mm. - Chất liệu Ghim: Titanium. Chất liệu Đầu đe và Lòng trong dụng cụ: Thép không gỉ. Chất liệu Vỏ dụng cụ: Nhôm. Chất liệu Ống nong hậu môn: nhựa ABS kết hợp PC. Chất liệu Tay cầm dụng cụ: nhựa ABS kết hợp PA - Chất liệu đóng gói: Tyvek/PET.
130	Đinh Kirscher	Đường kính: 1.0/1.2/1.5/1.8/2.0/2.5/3.0mm Chiều dài: 310mm

1.3. Các yêu cầu khác

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:**

Đối với toàn bộ hàng hóa:

- Có Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật khác của Nhà sản xuất có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa chào thầu (Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Đồng thời, nhà thầu **cần đánh dấu (Highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT trên cả tài liệu Tiếng Anh và Tiếng Việt.**

Đối với hàng hóa là Thiết bị y tế: Nộp thêm các tài liệu sau.

- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA hoặc tương đương của nhà sản xuất còn hiệu lực với các mặt hàng tham dự.

- Số lưu hành còn hiệu lực bao gồm Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với Thiết bị y tế thuộc loại A, B do Sở Y tế cấp hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với Thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp và Kết quả phân loại Thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ. Đối với trường hợp Số lưu hành hết hiệu lực, đề nghị Nhà thầu giải trình khả năng cung ứng hàng hóa.

Lưu ý:

- Trong trường hợp Nhà thầu chứng minh hàng hóa chào thầu không phải là Thiết bị y tế (*Thiết bị phòng thí nghiệm hoặc thiết bị thí nghiệm dùng trong y tế hoặc thiết bị phụ trợ dùng cho y tế*) thì Nhà thầu không cần nộp Số lưu hành và Kết quả phân loại Thiết bị y tế cho hàng hóa đó.

- Nhà thầu phải cam kết hàng hóa chào thầu đã được kê khai giá (Đối với hàng hóa bắt buộc kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03/11/2024 của Bộ Y tế) hoặc niêm yết giá Thiết bị y tế theo Khoản 9 & 10, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và cam kết giá bán không cao hơn giá kê khai hoặc giá niêm yết theo Khoản 1, Điều 18, Nghị định 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 & Điểm 7, Khoản 18, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023.

- Nhà thầu có cam kết tại thời điểm đối chiếu tài liệu hoặc hoàn thiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh **khả năng cung ứng hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng và hợp lệ**, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật theo quy

định về “Điều kiện ký kết hợp đồng” tại Khoản 2 Điều 66 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15. Trường hợp Nhà thầu không thể cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu sẽ không đủ điều kiện xét trúng thầu theo hướng dẫn tại Khoản 19 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với yêu cầu lắp đặt, giao hàng, tuổi thọ của hàng hóa: Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được tổ chức tại Trung tâm Y tế Krông Bông; Địa chỉ: Số 43 Nguyễn Huệ, xã Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Hàng hóa nhà thầu cung cấp trước khi được nghiệm thu sẽ được bên mời thầu kiểm. Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT và E-HSDT sẽ không được nghiệm thu.

